

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 06/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**

Thời gian: 13h00 * Ngày thi: 13/06/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | ĐIỂM THI | | | GHI CHÚ |
|----|-------------|-------------------------|------------|--------------|---------|----------|------|-----------|---------|
| | | | | | | KTC | THUD | KẾT QUẢ | |
| 1 | 28206626526 | Ngô Nguyễn Ngọc An | 17/05/2004 | Đà Nẵng | 32SSC2 | 8.7 | 9.0 | Đạt | |
| 2 | 29208253881 | Phan Nguyễn Thị Xuân Ân | 21/01/2005 | Đà Nẵng | 32SSC2 | 7.0 | 6.5 | Đạt | |
| 3 | 28204651391 | Nguyễn Thị Ngọc Anh | 05/12/2003 | Quảng Trị | 32SSC2 | 3.7 | 5.0 | Không Đạt | |
| 4 | 29214553033 | Trần Duy Anh | 26/04/2005 | Kon Tum | 32SSC2 | V | V | Không Đạt | |
| 5 | 29207558121 | Trần Thị Quỳnh Anh | 29/07/2005 | Quảng Ngãi | 32CHT3 | 8.7 | 5.3 | Đạt | |
| 6 | 29206357819 | Trương Ngọc Trâm Anh | 18/07/2005 | Đà Nẵng | 32THT4 | 9.3 | 7.5 | Đạt | |
| 7 | 30206754886 | Võ Thị Trâm Anh | 24/06/2006 | Quảng Trị | 32THT4 | 5.0 | 5.5 | Đạt | |
| 8 | 29218134432 | Trương Gia Bảo | 23/08/2005 | Bình Định | 32THT4 | 5.3 | 2.8 | Không Đạt | |
| 9 | 28204806904 | Trương Thị Khánh Chi | 25/12/2004 | Hà Tĩnh | 32SSC2 | 7.3 | 6.3 | Đạt | |
| 10 | 28214605431 | Đặng Chiến Công | 15/06/2003 | Vĩnh Phúc | 32CHT3 | 7.0 | 5.0 | Đạt | |
| 11 | 28212304074 | Nguyễn Quốc Duy | 01/01/2004 | Thừa Thiên H | 32THT4 | 10.0 | 9.5 | Đạt | |
| 12 | 29204855590 | Mai Huỳnh Mỹ Duyên | 07/03/2005 | Đà Nẵng | 32CHT3 | 9.0 | 2.5 | Không Đạt | |
| 13 | 29206565337 | Nguyễn Thị Hương Giang | 18/07/2004 | Nghệ An | 31TBN18 | 8.7 | 5.4 | Đạt | |
| 14 | 28204348973 | Cao Thị Thu Hằng | 25/03/2004 | Quảng Nam | 32THT4 | 6.0 | 6.0 | Đạt | |
| 15 | 29204141454 | Lâm Thị Thanh Hằng | 12/08/2005 | Quảng Nam | 32THT4 | 9.3 | 6.0 | Đạt | |
| 16 | 30204640289 | Thái Thị Lệ Hằng | 09/07/2006 | Quảng Trị | 32THT4 | 6.0 | 6.5 | Đạt | |
| 17 | 30212764114 | Trần Nguyễn Hoàng Hiệp | 30/10/2006 | Đà Nẵng | 32TYC1 | 6.3 | 7.0 | Đạt | |
| 18 | 28212349452 | Nguyễn Văn Hoàng | 21/10/2004 | Quảng Nam | 32SSC2 | V | V | Không Đạt | |
| 19 | 29205238807 | Trần Thị Thu Huệ | 17/08/2005 | Gia Lai | 32CHT3 | 6.7 | 4.3 | Không Đạt | |
| 20 | 29206557574 | Bùi Liễu Ái Hữu | 04/11/2005 | Phú Yên | 32THT4 | 9.0 | 8.5 | Đạt | |
| 21 | 29212943718 | Nguyễn Tuấn Kha | 14/09/2005 | Bình Định | 32THT4 | V | V | Không Đạt | |
| 22 | 28212343555 | Ngô Nguyễn Hoàng Khang | 18/09/2004 | Kon Tum | 32CHT2 | 8.7 | 7.5 | Đạt | |
| 23 | 28212332514 | Đoàn Ngọc Nguyên Khôi | 15/06/2004 | Đà Nẵng | 32CSC1 | 6.7 | 5.8 | Đạt | |
| 24 | 30208126163 | Diệp Thị Mỹ Lệ | 16/01/2006 | Bình Phước | 32CHT3 | 7.3 | 6.5 | Đạt | |
| 25 | 29204556867 | Phạm Nguyên Phương Liên | 04/05/2005 | Đà Nẵng | 32CHT3 | 6.3 | 6.0 | Đạt | |
| 26 | 29204935426 | Huỳnh Phan Tú Linh | 27/04/2005 | Đà Nẵng | 32THT4 | 9.0 | 6.0 | Đạt | |
| 27 | 31208229488 | Lê Thị Thùy Linh | 21/12/2006 | Đà Nẵng | 32THT4 | 8.7 | 7.0 | Đạt | |
| 28 | 29204927440 | Nguyễn Thị Mỹ Linh | 04/11/2005 | Thừa Thiên H | 32THT4 | 5.7 | 5.8 | Đạt | |
| 29 | 29204300131 | Trần Thị Thùy Linh | 25/02/2005 | Đà Nẵng | 32THT4 | 7.0 | 10.0 | Đạt | |
| 30 | 28212349689 | Hồ Công Hoàng Long | 17/03/2004 | Quảng Nam | 32CHT3 | 5.7 | 2.8 | Không Đạt | |
| 31 | 29204861429 | Huỳnh Thị Thảo Ly | 04/11/2005 | Quảng Ngãi | 32CHT3 | 8.3 | 5.3 | Đạt | |
| 32 | 28206240084 | Nguyễn Thị Ngọc Minh | 04/04/2004 | Đà Nẵng | 32THT4 | 5.3 | 6.0 | Đạt | |

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | ĐIỂM THI | | | GHI CHÚ | |
|----|-------------|-------------------|-----------|------------|--------------|----------|------|---------|-----------|--|
| | | | | | | KTC | THUD | KẾT QUẢ | | |
| 33 | 29206753775 | Nguyễn Thị Hoàng | My | 18/06/2005 | Đà Nẵng | 32SSC1 | 9.7 | 7.9 | Đạt | |
| 34 | 29204849520 | Nguyễn Trần Quỳnh | My | 31/07/2005 | Quảng Ngãi | 32CHT3 | 9.0 | 6.3 | Đạt | |
| 35 | 30206563316 | Nguyễn Thị Thanh | Ngân | 16/11/2006 | Quảng Nam | 32CHT3 | 7.7 | 5.8 | Đạt | |
| 36 | 29202823158 | Trần Hồ Thảo | Ngọc | 22/06/2005 | Quảng Bình | 32CSC1 | 5.7 | 6.0 | Đạt | |
| 37 | 29208251864 | Đặng Thị Thảo | Nguyên | 20/06/2005 | Đà Nẵng | 32SSC2 | 8.7 | 5.3 | Đạt | |
| 38 | 29205261995 | Hoàng Khánh | Nguyên | 19/01/2005 | Quảng Trị | 32THT3 | 3.0 | 5.0 | Không Đạt | |
| 39 | 30217357717 | Thạch Cảnh | Nguyên | 04/03/2006 | Quảng Ngãi | 32SSC2 | 7.0 | 6.0 | Đạt | |
| 40 | 29206737363 | Trần Vân | Nguyên | 03/01/2005 | Quảng Trị | 32THT4 | 10.0 | 6.0 | Đạt | |
| 41 | 29206725365 | Trần Thị Minh | Nguyệt | 30/01/2005 | Quảng Nam | 32THT4 | 9.3 | 9.5 | Đạt | |
| 42 | 28212300637 | Võ Thanh | Nhã | 15/10/2004 | Phú Yên | 32SSC2 | 8.3 | 9.0 | Đạt | |
| 43 | 29209426181 | Hoàng Thị Thanh | Nhàn | 26/11/2005 | Quảng Bình | 32CSC1 | 6.3 | 5.0 | Đạt | |
| 44 | 30206763528 | Phạm Uyên | Nhi | 14/02/2006 | Đà Nẵng | 32SSC2 | 9.0 | 7.5 | Đạt | |
| 45 | 29206664138 | Nguyễn Quỳnh | Như | 26/08/2005 | Đà Nẵng | 32TBN3 | 7.0 | 3.0 | Không Đạt | |
| 46 | 28202702436 | Phan Thị Quỳnh | Như | 04/08/2004 | Quảng Trị | 32TSC2 | 8.0 | 7.5 | Đạt | |
| 47 | 30206754963 | Trần Bảo | Như | 11/03/2006 | Quảng Trị | 32SSC2 | 8.3 | 6.0 | Đạt | |
| 48 | 30212326120 | Nguyễn Văn Bảo | Phúc | 24/07/2006 | Thừa Thiên H | 32THT4 | 8.0 | 9.3 | Đạt | |
| 49 | 30206523825 | Phan Bảo | Phúc | 17/03/2006 | Quảng Nam | 32CHT3 | 9.3 | 5.8 | Đạt | |
| 50 | 29204327725 | Lê Phạm Hoài | Phương | 03/10/2005 | Đà Nẵng | 32THT4 | 9.0 | 3.3 | Không Đạt | |
| 51 | 29204965402 | Trà Thiên | Phương | 01/01/2005 | Quảng Nam | 32THT4 | 5.3 | 6.5 | Đạt | |
| 52 | 29204350752 | Trần Thị Mỹ | Quyên | 23/06/2005 | Quảng Nam | 32THT4 | 8.3 | 6.5 | Đạt | |
| 53 | 28206501948 | Lâm Thị Như | Quỳnh | 22/02/2004 | Quảng Ngãi | 32THT4 | 7.0 | 5.0 | Đạt | |
| 54 | 29206655097 | Lê Hà Như | Quỳnh | 14/06/2005 | Đà Nẵng | 31SHT10 | 7.3 | 6.3 | Đạt | |
| 55 | 29214353032 | Phan Đức Xanh | Rin | 05/03/2005 | Quảng Nam | 32SSC2 | 4.7 | 5.0 | Không Đạt | |
| 56 | 29214644619 | Nguyễn Văn | Tân | 27/05/2005 | Quảng Nam | 32SSC2 | 8.3 | 10.0 | Đạt | |
| 57 | 28212301488 | Trương Minh | Thái | 30/10/2004 | Quảng Nam | 32SSC2 | V | V | Không Đạt | |
| 58 | 29215259503 | Trịnh Văn | Thăng | 14/09/2004 | Gia Lai | 32CHT3 | 6.3 | 4.3 | Không Đạt | |
| 59 | 29209421708 | Nguyễn Thị | Thanh | 10/02/2005 | Quảng Ngãi | 32THT4 | 9.3 | 5.5 | Đạt | |
| 60 | 29204655185 | Bùi Thị Thu | Thì | 20/09/2005 | Quảng Nam | 32CHT3 | 7.3 | 5.0 | Đạt | |
| 61 | 28212341917 | Tôn Thất Vạn | Thiện | 22/02/2004 | Quảng Nam | 32SSC2 | 7.3 | 10.0 | Đạt | |
| 62 | 28212301533 | Nguyễn Văn | Thông | 08/11/2004 | Nghệ An | 32SSC2 | 6.7 | 5.3 | Đạt | |
| 63 | 29208231799 | Lê Hà Anh | Thư | 09/08/2005 | Đà Nẵng | 32SSC2 | 6.3 | 6.0 | Đạt | |
| 64 | 29204562363 | Lê Thị Thanh | Thư | 23/03/2005 | Quảng Ngãi | 32CHT3 | 7.7 | 9.0 | Đạt | |
| 65 | 0359539170 | Nguyễn Quỳnh | Thư | 02/05/2005 | Bình Định | 32THT4 | 9.7 | 10.0 | Đạt | |
| 66 | 29205256150 | Trần Ngọc | Thư | 05/10/2005 | Đà Nẵng | 32CHT3 | 9.3 | 3.5 | Không Đạt | |
| 67 | 28202746757 | Lê Khánh | Thuận | 03/02/2003 | Đà Nẵng | 32THT4 | 9.7 | 7.5 | Đạt | |

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | ĐIỂM THI | | | GHI CHÚ | |
|----|-------------|------------------|-----------|------------|-------------|----------|------|---------|-----------|--|
| | | | | | | KTC | THUD | KẾT QUẢ | | |
| 68 | 29204655708 | Nguyễn Thị Hoài | Thương | 02/01/2005 | Quảng Ngãi | 32CHT3 | 9.3 | 3.5 | Không Đạt | |
| 69 | 0787665423 | Nguyễn Đức Biên | Thùy | 23/04/2005 | Huế | 32THT4 | 9.0 | 9.0 | Đạt | |
| 70 | 29206558637 | Nguyễn Thị Thanh | Thùy | 09/05/2005 | Quảng Ngãi | 32THT4 | 8.0 | 6.5 | Đạt | |
| 71 | 28212706834 | Phạm Văn Minh | Toàn | 26/07/2004 | Đà Nẵng | 32THT4 | V | V | Không Đạt | |
| 72 | 29208050503 | Huỳnh Thị Ngọc | Trà | 25/02/2005 | Quảng Ngãi | 32CHT3 | 7.3 | 7.3 | Đạt | |
| 73 | 29208227647 | Lê Trần Huyền | Trân | 07/12/2005 | Đắk Lắk | 32SSC2 | 4.3 | 2.5 | Không Đạt | |
| 74 | 29204454980 | Phạm Tú | Trinh | 13/09/2005 | Khánh Hòa | 32THT4 | 8.7 | 6.5 | Đạt | |
| 75 | 28218100745 | Nguyễn Đức | Trung | 13/09/2004 | Hồ Chí Minh | 31THT11 | 5.7 | 8.0 | Đạt | |
| 76 | 27216138891 | Lê Anh | Tú | 18/02/2003 | Đắk Lắk | 31CBN2 | 8.3 | 3.3 | Không Đạt | |
| 77 | 29205249678 | Phạm Đoàn Cẩm | Tú | 28/06/2005 | Đà Nẵng | 32CHT3 | 7.7 | 6.0 | Đạt | |
| 78 | 28212454710 | Võ Thanh | Tùng | 16/03/2004 | Quảng Nam | 32SSC2 | 7.3 | 9.0 | Đạt | |
| 79 | 28218042877 | Huỳnh Ngọc | Tuyết | 29/07/2004 | Đà Nẵng | 31THT13 | 5.3 | 2.3 | Không Đạt | |
| 80 | 29208155326 | Nguyễn Ngọc Ánh | Tuyết | 11/04/2005 | Quảng Ngãi | 32THT4 | 9.7 | 6.3 | Đạt | |
| 81 | 30208158159 | Hà Thu | Uyên | 22/08/2006 | Đà Nẵng | 32CHT3 | 8.7 | 8.0 | Đạt | |
| 82 | 29206563097 | Hồ Thị Mỹ | Vân | 25/07/2005 | Quảng Trị | 32CHT3 | V | V | Không Đạt | |
| 83 | 29205264895 | Lê Thị Cẩm | Viên | 26/09/2005 | Quảng Ngãi | 32THT3 | 3.0 | 5.0 | Không Đạt | |
| 84 | 28218000754 | Võ Quốc | Việt | 10/02/2004 | Quảng Nam | 31TBN10 | 5.7 | 6.3 | Đạt | |
| 85 | 28212351140 | Nguyễn Văn | Vương | 10/10/2003 | Phú Yên | 32CHT3 | 9.0 | 5.0 | Đạt | |
| 86 | 28204351850 | Lê Thị Bích | Vy | 17/04/2004 | Đà Nẵng | 32THT4 | 9.7 | 7.0 | Đạt | |
| 87 | 28213239749 | Ngô Văn Quốc | Vỹ | 14/08/2004 | Đà Nẵng | 32SSC2 | 4.0 | 3.9 | Không Đạt | |
| 88 | 29206230775 | Nguyễn Ngọc Như | Ý | 04/05/2005 | Gia Lai | 32CHT3 | 6.0 | 5.3 | Đạt | |

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh